

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2026.

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
 - Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
 - Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
 - Căn cứ Quy định số 382-QĐ/TU ngày 18/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị Vũ Văn Hiếu;
- Theo đề nghị của phòng Tổ chức hành chính, thông tin, tư liệu,

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ VŨ VĂN HIẾU

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2026 của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ (nay là Trường Chính trị Vũ Văn Hiếu), chi tiết theo mẫu biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức hành chính, thông tin, tư liệu và các đơn vị, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu,
- Như Điều 3,
- Website Trường,
- Lưu: VT, TCHC, TTTL.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thùy Dương

Đơn vị: Trường Chính trị Vũ Văn Hiếu			Mẫu biểu số 75		
Chương: 599					
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2026					
(Kèm theo Quyết định số 512-QĐ/TCT ngày 10/7/2026)					
				Đơn vị: Triệu đồng	
STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện/số với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu sự nghiệp				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang	2.826	2.826		88%
2	Số thu trong năm	10.000	5.797	58%	66%
II	Chi từ nguồn thu được để lại (bao gồm số chi từ nguồn thu năm trước chuyển sang)	12.826	3.865	30%	105%
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng (NĐ111/2021)		102		121%
2	Phụ cấp lương (bao gồm tiền dạy thêm, làm thêm giờ)		591		205%
3	Tiền thưởng (bao gồm chế độ tiền thưởng NĐ73/2024)		321		1888%
4	Các khoản đóng góp		73		112%
5	Thanh toán dịch vụ công cộng		304		115%
6	Vật tư văn phòng		85		44%
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		44		86%
8	Hội nghị				0%
9	Công tác phí (bao gồm khoán ăn, đi lại của giảng viên)		390		368%
10	Chi phí thuê mướn (bao gồm tiền công hợp đồng dài hạn, thời vụ)		499		82%
11	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		55		63%
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.206		72%
13	Chi khác		195		94%
14	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp				0%
III	Số nộp ngân sách nhà nước	200	116	58%	66%
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	200	116	58%	66%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	47.340	9.616	20%	115%
I	Nguồn ngân sách trong nước	47.340	9.616	20%	115%
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.825	7.098	72%	105%
1.1	Tiền lương		3.972		102%
1.2	Phụ cấp lương		1.865		105%
1.3	Các khoản đóng góp		1.092		104%
1.4	Thanh toán dịch vụ công cộng		37		
1.5	Vật tư văn phòng		65		
1.6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		19		
1.7	Hội nghị		1		
1.8	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		18		
1.9	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp		29		100%
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	37.515	2.518	7%	158%
2.1	Các khoản đóng góp (HDLĐ điện, nước)		9		113%
2.2	Thanh toán dịch vụ công cộng		309		112%
2.3	Vật tư văn phòng		103		43%
2.4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		66		140%
2.5	Hội nghị		6		
2.6	Công tác phí		86		200%
2.7	Chi phí thuê mướn		729		276%
2.8	Chi đoàn vào		585		
2.9	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		75		31%
2.10	Mua sắm tài sản vô hình		5		
2.11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		419		126%
2.12	Chi khác		126		86%
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		